UBND XÃ VĨNH HOÀNG

DANH SÁCH CẤP KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 106/2021/NQ-HĐND NGÀY 30/8/2021 CỦA HĐND TỈNH NĂM 2026

(Kèm Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Hoàng)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Nhu cầu kinh phí thực hiện học kỳ II năm học 2025-2026	Kinh phí cấp	Ghi chú
1	Trường MN Vĩnh Hòa	2.235.000	2.235.000	
2	Trường MN Vĩnh Thái	2.235.000	2.235.000	
3	Trường MN Số 1 Trung Nam	2.235.000	2.235.000	
4	Trường MN Vĩnh Tú	4.023.000	4.023.000	
5	Trường TH Trung Nam	15.645.000	15.645.000	
6	Trường TH Vĩnh Thái	4.470.000	4.470.000	
7	Trường TH&THCS Vĩnh Tú		-	
	TH	6.705.000	6.705.000	
8	Trường TH&THCS Vĩnh Hòa		-	
	TH	6.705.000	6.705.000	
	THCS	4.470.000	4.470.000	
9	Trường TH&THCS Trung Nam		-	
	TH	4.470.000	4.470.000	
	THCS	4.470.000	4.470.000	
	Tổng cộng	**57.663.000**	**57.663.000**	-

Tỉnh Quảng Trị
Xã Vĩnh Hoàng

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Hoàng)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị - Nội dung chi	MQHNS	Chương	Loại	Khoản	Nguồn	Mã dự phòng	Số tiền	Ghi chú
1	**Trường MN Vĩnh Hòa**	**1112992**						**2.235.000**	
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	071	12		2.235.000	
2	**Trường MN Số 1 Trung Nam**	**1112990**						**2.235.000**	
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	071	12		2.235.000	
3	**Trường MN Vĩnh Thái**	**1112996**						**2.235.000**	
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	071	12		2.235.000	
4	**Trường MN Vĩnh Tú**	**1112998**						**4.023.000**	
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	071	12		4.023.000	
5	**Trường TH Trung Nam**	**1026680**						**15.645.000**	

STT	Đơn vị - Nội dung chi	MQHNS	Chương	Loại	Khoản	Nguồn	Mã dự phòng	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	072	12		15.645.000	
6	**Trường TH Vĩnh Thái**	**1027078**						**4.470.000**	
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	072	12		4.470.000	
8	**Trường TH&THCS Vĩnh Tú**	**1027341**						**6.705.000**	
	Trong đó: TH								
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	072	12		6.705.000	
8	**Trường TH&THCS Vĩnh Hòa**	**1026685**						**11.175.000**	
	Trong đó: TH								
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	072	12		6.705.000	
	THCS								
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	073	12		4.470.000	
9	**Trường TH&THCS Trung Nam**	**1027340**						**8.940.000**	

STT	Đơn vị - Nội dung chi	MQHNS	Chương	Loại	Khoản	Nguồn	Mã dự phòng	Số tiền	Ghi chú
	Trong đó: TH								
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	072	12		4.470.000	
	THCS								
	Kinh phí hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo NQ số 106/2021/NQ-HĐND tỉnh		822	070	073	12		4.470.000	
	Tổng							**57.663.000**	